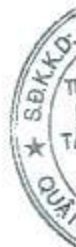


*Báo cáo của Ban Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 28.283
	Giờ: Ngày 5 tháng 8 năm 11

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC
(WASECO)
06 tháng đầu năm 2011



Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 38 205.944 – 38 205.947; Fax: 38 205.942

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC

Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	03 – 04
Báo cáo Kiểm toán	05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2011	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 06 tháng đầu năm 2011	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2011	11 – 25

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2011.

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 299/QĐ-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Đầu tư Xây dựng Cấp Thoát Nước và Môi Trường Việt Nam thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103009943 ngày 09 tháng 04 năm 2008 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn và vệ sinh môi trường. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp. Đầu tư xây dựng, quản lý khai thác và kinh doanh dịch vụ khu công nghiệp, khu dân cư, bãi đỗ xe (không lập bến bãi trái phép), kho bãi công nghiệp. Thi công, tổng thầu thi công xây dựng, lắp đặt các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường.

Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị; gia công lắp đặt kết cấu thép và các thiết bị cơ điện kỹ thuật công trình. Tư vấn đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất xây dựng công trình, thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, công trình dân dụng công nghiệp. Tư vấn lập và thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu, lập tổng dự toán và dự toán các công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán, kinh doanh bất động sản.

Sản xuất, mua bán nước sạch, sản xuất mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành xây dựng, cấp thoát nước và môi trường (không sản xuất tại trụ sở công ty), khoan thăm dò, khoan khai thác nước ngầm.

Nuôi trồng thủy-hải sản, cây công nghiệp, khai thác chế biến và mua bán các sản phẩm từ thủy hải sản và cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở công ty).

Nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển giao công nghệ ngành cấp thoát nước, đào tạo nghề, giám sát thi công xây dựng công trình cấp- thoát nước, dân dụng và công nghiệp, xây dựng và hoàn thiện.

Vốn điều lệ của Công ty là : 120.000.000.000 đ (Một trăm hai mươi tỷ đồng)

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Trần Văn Thành	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tất Thắng	Phó chủ tịch
Ông Đặng Văn Tiêu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Lộc	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Bôn	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Trần Văn Thành	Tổng Giám Đốc
Ông Đặng Văn Tiêu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Châu Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Xuân Lãng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Bôn	Kế toán trưởng

Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

Ông Phạm Ngọc Tú	Trưởng ban kiểm soát
Ông Huỳnh Bá Đức	Thành viên
Ông Phạm Phước Thịnh	Thành viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính ;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám Đốc



Trần Văn Thành

Số: 591../BCKT/TC

Báo cáo kiểm toán

*Về Báo cáo tài chính riêng 06 tháng đầu năm 2011
của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước*

Kính gửi:

- Hội đồng Quản trị Công ty CP Đầu Tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước
- Ban Giám đốc Công ty CP Đầu Tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của **Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước** được lập ngày 05 tháng 08 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 được trình bày từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO)** tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 08 năm 2011

**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**

Tổng Giám đốc**Lê Văn Tuấn**

Chứng chỉ KTV 0479/KTV

Kiểm toán viên**Đinh Thế Đường**

Chứng chỉ KTV 0342/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		281.025.080.604	261.172.353.305
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	13.250.411.427	19.957.354.438
1. Tiền	111		13.250.411.427	19.957.354.438
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2	157.139.251.489	160.444.744.233
1. Phải thu khách hàng	131	2.1	81.046.299.668	89.622.035.905
2. Trả trước cho người bán	132	2.2	73.109.298.225	66.843.980.753
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	2.3	2.983.653.596	3.978.727.575
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140	3	76.862.181.502	54.076.123.615
1. Hàng tồn kho	141		76.862.181.502	54.076.123.615
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4	33.773.236.186	26.694.131.019
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.1	5.932.830.393	3.993.885.442
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	4.2	27.840.405.793	22.700.245.577
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		489.952.730.446	478.335.643.460
II. Tài sản cố định	220		438.239.111.638	432.622.024.652
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5	113.058.697.031	117.458.446.203
- Nguyên giá	222		151.726.688.636	151.842.880.904
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(38.667.991.605)	(34.384.434.701)
3. Tài sản cố định vô hình	227	6	2.688.000.000	2.751.000.000
- Nguyên giá	228		3.150.000.000	3.150.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(462.000.000)	(399.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	322.492.414.607	312.412.578.449
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	8	51.337.946.475	45.337.946.475
1. Đầu tư vào công ty con	251	8.1	40.850.000.000	40.850.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	8.2	10.487.946.475	4.487.946.475
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		375.672.333	375.672.333
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		375.672.333	375.672.333
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		770.977.811.050	739.507.996.765

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		605.136.977.080	578.813.657.321
I. Nợ ngắn hạn	310	9	244.126.659.802	210.955.154.565
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9.1	110.382.670.369	79.527.441.087
2. Phải trả người bán	312	9.2	35.377.094.414	33.433.018.834
3. Người mua trả tiền trước	313	9.3	37.274.638.923	24.994.240.454
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9.4	10.366.016.369	11.327.404.514
5. Phải trả người lao động	315	9.5	1.124.074.617	1.319.764.745
6. Chi phí phải trả	316	9.6	28.073.347.623	37.028.406.832
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	9.7	20.413.055.098	21.770.015.710
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	9.8	1.115.762.389	1.554.862.389
II. Nợ dài hạn	330	10	361.010.317.278	367.858.502.756
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	10.1	130.503.493.941	135.920.102.680
3. Phải trả dài hạn khác	333	10.2	127.042.840.301	127.042.840.300
4. Vay và nợ dài hạn	334	10.3	103.169.053.072	104.572.084.812
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	10.4	294.929.964	323.474.964
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		165.840.833.971	160.694.339.444
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	165.826.925.723	160.680.431.196
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.639.328.147	9.639.328.147
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			301.882.888
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(3.359.734)	351.978.953
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.485.749.766	2.183.866.878
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.834.173.094	1.834.173.094
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		31.871.034.450	26.369.201.236
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	12	13.908.248	13.908.248
1. Nguồn kinh phí	432		13.908.248	13.908.248
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		770.977.811.050	739.507.996.765

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		3,785.34	2,007.32
- EUR		104,196.51	1,078.05
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 05 tháng 08 năm 2011

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Trần Văn Thành

Nguyễn Quốc Tuấn

Nguyễn Đức Bôn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

06 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	142.461.162.150	148.397.527.732
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	142.461.162.150	148.397.527.732
4. Giá vốn hàng bán	11	16	117.126.328.988	118.455.558.700
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.334.833.162	29.941.969.032
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	992.793.315	1.017.922.386
7. Chi phí tài chính	22	18	9.572.337.868	7.568.823.001
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.564.946.064	7.568.823.001
8. Chi phí bán hàng	24		701.596.358	965.060.021
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.575.215.022	8.491.357.713
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		7.478.477.229	13.934.650.683
11. Thu nhập khác	31		160.929.798	476.190
12. Chi phí khác	32		209.144.011	593.859.682
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(48.214.213)	(593.383.492)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.430.263.016	13.341.267.191
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	1.924.729.801	3.501.726.940
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	22	5.505.533.215	9.839.540.251
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		459	882

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 05 tháng 08 năm 2011

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Quốc Tuấn

Nguyễn Đức Bôn

Trần Văn Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

06 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		146.006.218.467	143.167.198.478
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(74.959.982.629)	(65.217.323.292)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(12.475.950.254)	(27.779.841.120)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(11.472.575.074)	(2.942.447.709)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.490.826.347)	(2.078.161.410)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		22.646.597.249	33.331.682.637
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(91.392.276.822)	(55.179.057.043)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(24.138.795.410)	23.302.050.541
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.116.643.060)	(16.015.566.379)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.054.993.850)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.054.993.850	(225.650.260)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.000.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		101.135.420	61.629.766
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.015.507.640)	(16.179.586.873)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		88.419.567.297	53.388.625.099
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(58.967.369.755)	(49.933.940.350)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(6.604.950.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		29.452.197.542	(3.150.265.251)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(6.702.105.508)	3.972.198.417
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19.957.354.438	2.284.254.834
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.837.503)	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		13.250.411.427	6.256.453.251

Lập, ngày 05 tháng 08 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Quốc Tuấn

Nguyễn Đức Bôn 10

Trần Văn Thành



Bản thuyết minh báo cáo tài chính

06 tháng đầu năm 2011

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 299/QĐ-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Đầu tư Xây dựng Cấp Thoát Nước Và Môi Trường Việt Nam thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103009943 ngày 09 tháng 04 năm 2008 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng).

2. Ngành nghề kinh doanh:

Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn và vệ sinh môi trường. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp. Đầu tư xây dựng, quản lý khai thác và kinh doanh dịch vụ khu công nghiệp, khu dân cư, bãi đỗ xe (không lập bến bãi trái phép), kho bãi công nghiệp. Thi công, tổng thầu thi công xây dựng, lắp đặt các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường.

Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị; gia công lắp đặt kết cấu thép và các thiết bị cơ điện kỹ thuật công trình. Tư vấn đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất xây dựng công trình, thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, công trình dân dụng công nghiệp. Tư vấn lập và thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu, lập tổng dự toán và dự toán các công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán, kinh doanh bất động sản.

Sản xuất, mua bán nước sạch, sản xuất mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành xây dựng, cấp thoát nước và môi trường (không sản xuất tại trụ sở công ty), khoan thăm dò, khoan khai thác nước ngầm.

Nuôi trồng thủy-hải sản, cây công nghiệp, khai thác chế biến và mua bán các sản phẩm từ thủy hải sản và cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở công ty).

Nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển giao công nghệ ngành cấp thoát nước, đào tạo nghề, giám sát thi công xây dựng công trình cấp- thoát nước, dân dụng và công nghiệp, xây dựng và hoàn thiện.

Trụ sở của Công ty tại: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

3. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

4. **Niên độ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

5. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

II Chế độ kế toán áp dụng:

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng Luật kế toán Việt Nam, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài Chính.

2. **Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

III Các chính sách kế toán áp dụng:

1. **Nguyên tắc xác định các khoản tiền:** Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC

Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được thực hiện theo thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

2.2 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

2.3 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không áp dụng lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

5. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí lãi vay và các khoản chi phí khác:

5.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí lãi vay:



CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC

Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

5.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ:
Không phát sinh

5.3 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

5.3.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

5.3.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

5.4 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai:

6.1 Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu:

Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

6.2 Nguyên tắc kế toán chi phí triển khai:

Chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi thoả mãn đồng thời các điều kiện để ghi nhận là TSCĐ vô hình.

7. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

7.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn



- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

7.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

8. Kế toán các hoạt động liên doanh:

8.1 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát:

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

8.2 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lỹ kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

10. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Ghi nhận chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tài, sản xuất thử phát sinh lớn;

CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC

Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

12. Nguồn vốn chủ sở hữu:

12.1 Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại:

Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu ngân quỹ của Công ty. Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

12.2 Ghi nhận cổ tức:

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

12.3 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

13.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

13.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

13.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2011

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		
1.1-Tiền mặt	729.111.775	354.546.127
- Văn phòng công ty	575.588.739	148.772.301
- Trung Tâm Kinh Doanh	80.133.679	15.942.929
- Trung Tâm Tư Vấn	14.304.584	119.550.640
- Chi Nhánh Daklak	21.065.997	46.017.251
- Chi Nhánh 201	38.018.776	24.263.006
1.2-Tiền gửi ngân hàng	12.521.299.652	19.602.808.311
a- Văn phòng công ty	12.277.655.441	18.659.209.537
* TGNH (VND)	9.078.165.276	18.591.697.492
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - SGD II	2.879.694	22.615.341
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	6.894.655.557	11.695.092.875
- Ngân hàng TM CP Quân Đội	17.805.542	94.553.679
- Ngân hàng TM CP Hàng Hải Việt Nam	14.246.596	126.699.628
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế - CN TP. Hồ Chí Minh	7.847.862	7.753.827
- Ngân hàng NN và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam	21.715.056	131.054.356
- Ngân hàng Công Thương CN I	2.104.682.204	6.220.816.378
- Ngân hàng An Bình	14.332.765	293.111.408
* TGNH (Ngoại tệ)	3.199.490.165	67.512.045
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV) (# 104,196.51 EUR)	3.121.444.025	29.509.463
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV) (# 2,758.87 USD)	56.882.382	18.593.874
- Ngân hàng TM CP Quân Đội (# 1,026.47 USD)	21.163.758	19.408.708
b- Trung tâm kinh doanh	167.300.996	304.448.669
- Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	167.300.996	304.448.665
c- Chi Nhánh Daklak	71.805.952	634.812.196
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV)	71.805.952	634.812.196
- Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam		
d- Chi Nhánh 201	2.735.859	3.633.067
- Ngân hàng Công Thương	1.594.534	1.570.694
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV)	1.141.325	2.062.373
e- Trung Tâm Tư Vấn Thiết Kế	1.801.404	704.842
- Ngân hàng Maritime Bank	1.801.404	
- Ngân hàng Sacombank		704.842
Cộng	13.250.411.427	19.957.354.438

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2011

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

- 2.1- Phải thu khách hàng
- 2.2- Trả trước người bán
- 2.3- Các khoản phải thu khác

Cộng**Số cuối kỳ****Số đầu năm**

81.046.299.668

89.622.035.905

73.109.298.225

66.843.980.753

2.983.653.596

3.978.727.575

157.139.251.489**160.444.744.233****3. HÀNG TỒN KHO**

- Hàng mua đang đi trên đường
- Nguyên liệu, vật liệu
- Công cụ, dụng cụ
- Chi phí SX KD dở dang
- Thành phẩm
- Hàng hóa
- Hàng gửi bán

Cộng**Số cuối kỳ****Số đầu năm**

759.023.400

562.245.549

386.863.202

31.472.832

19.016.456

51.430.448.576

74.858.214.612

381.140.291

154.496.144

452.198.901

850.455.929

5.724.640

1.047.004.585

76.862.181.502**54.076.123.615****4. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

- 4.1-Chi phí trả trước ngắn hạn

- 4.2-Tài sản ngắn hạn khác

- Tạm ứng

- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Cộng**Số cuối kỳ****Số đầu năm**

5.932.830.393

3.993.885.442

27.840.405.793

22.700.245.577

27.418.040.993

21.302.478.870

422.364.800

1.397.766.707

33.773.236.186**26.694.131.019**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

5. TĂNG GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

KHOẢN MỤC	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ hữu hình khác	Tổng Cộng
I. Nguyên giá						
1 Số dư đầu năm	119.660.328.276	7.311.628.971	8.224.488.100	16.646.435.557		151.842.880.904
2 Số tăng trong kỳ						
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong kỳ						
- Đầu tư XD CB hoàn thành						
- Tăng khác						
3 Giảm trong kỳ				116.192.268		116.192.268
<i>Bao gồm:</i>						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán				116.192.268		116.192.268
- Giảm khác						
4 Số dư cuối kỳ	119.660.328.276	7.311.628.971	8.224.488.100	16.530.243.289		151.726.688.636
II. Giá trị hao mòn LK						
1 Số dư đầu năm	20.008.897.159	3.675.856.157	3.359.001.217	7.340.680.168		34.384.434.701
2 Tăng trong kỳ	2.679.088.926	210.362.647	495.801.060	1.005.616.787		4.390.869.420
- Khấu hao trong kỳ	2.679.088.926	210.362.647	495.801.060	1.005.616.787		4.390.869.420
- Tăng khác						
3 Giảm trong kỳ				107.312.516		107.312.516
<i>Bao gồm:</i>						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán				107.312.516		107.312.516
- Giảm khác						
4 Số dư cuối kỳ	22.687.986.085	3.886.218.804	3.854.802.277	8.238.984.439		38.667.991.605
III. Giá trị còn lại						
1 Tại ngày đầu năm	99.651.431.117	3.635.772.814	4.865.486.883	9.305.755.389		117.458.446.203
2 Tại ngày cuối kỳ	96.972.342.191	3.425.410.167	4.369.685.823	8.291.258.850		113.058.697.031

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2011

6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

KHOẢN MỤC	Quyền SD Đất	Quyền phát minh	Bản quyền, bằng sáng chế	Trị giá thương hiệu	Tổng Cộng
I. Nguyên giá					
1 Số dư đầu năm				3.150.000.000	3.150.000.000
2 Số tăng trong kỳ					
Bao gồm:					
- Mua trong năm					
- Tạo ra từ nội bộ DN					
- Tăng do hợp nhất KD					
- Tăng khác					
3 Giảm trong kỳ					
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4 Số dư cuối kỳ				3.150.000.000	3.150.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1 Số dư đầu năm				399.000.000	399.000.000
2 Tăng trong kỳ				63.000.000	63.000.000
- Khấu hao trong kỳ				63.000.000	63.000.000
- Tăng khác					
3 Giảm trong kỳ					
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4 Số dư cuối kỳ				462.000.000	462.000.000
III. Giá trị còn lại					
1 Tại ngày đầu năm				2.751.000.000	2.751.000.000
2 Tại ngày cuối kỳ				2.688.000.000	2.688.000.000

7. CHI PHÍ XDCB DỒI DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chung cư cao tầng số 10 Phố Quang, trong đó:	304.527.745.314	296.042.219.989
+ Quyền sử dụng đất	179.164.703.558	179.164.703.558
+ Quyền phát triển dự án	31.016.000.000	31.016.000.000
+ Chi phí xây dựng	94.347.041.756	85.861.516.431
- Chung cư 93 Lê Lợi - Vũng Tàu	14.728.842.533	13.346.132.950
- Dự án khu phức hợp Q9 - HCM	2.470.270.050	2.258.668.800
- Trung tâm trưng bày vật tư và VP làm việc	209.090.909	209.090.909
- Dự án mở rộng mạng lưới cấp nước NMN Đakmil (GD 2)	556.465.801	556.465.801
Cộng	322.492.414.607	312.412.578.449

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2011

8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

8.1-Đầu tư vào công ty con

- Đầu tư 95% vốn điều lệ của công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Nhà

Địa Lợi (950.000 CP)

Số cuối kỳ

40.850.000.000

40.850.000.000

Số đầu năm

40.850.000.000

40.850.000.000

8.2-Đầu tư dài hạn khác

10.487.946.475

4.487.946.475

- Công ty CP XD Cấp Thoát Nước 15 (Viwaseen 15)

1.220.303.364

1.220.303.364

- Công ty CP XD Cấp Thoát Nước 12 (Viwaseen 12)

1.400.000.000

1.400.000.000

- Công ty Điện Nước An Giang

1.521.000.000

1.521.000.000

- Công ty CP Khoan và Xây Lấp Cấp Thoát Nước

346.643.111

346.643.111

- Công ty CP kinh doanh nước sạch Sài Gòn

6.000.000.000

Cộng

51.337.946.475

45.337.946.475

9. NỢ NGẮN HẠN

9.1 - Vay và nợ ngắn hạn

110.382.670.369

79.527.441.087

- Vay cán bộ công nhân viên

1.811.952.294

1.967.974.436

- Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam

69.553.096.614

59.881.404.432

- Ngân hàng Công Thương - CN 1

39.017.621.461

14.469.315.403

- Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh 1 (# 169,488 USD)

3.208.746.816

9.2 - Phải trả người bán

35.377.094.414

33.433.018.834

9.3 - Người mua trả tiền trước

37.274.638.923

24.994.240.454

9.4- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

10.366.016.369

11.327.404.514

- Thuế GTGT hàng bán phải nộp

504.945.700

1.550.794.492

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

8.229.002.962

8.795.099.507

- Thuế nhà đất và tiền thuê đất

626.407.652

427.282.652

- Các loại thuế khác

990.288.055

512.503.863

- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

15.372.000

41.724.000

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

9.5- Phải trả người lao động

1.124.074.617

1.319.764.745

9.6- Chi phí phải trả (trích trước chi phí công trình)

28.073.347.623

37.028.406.832

9.7- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

20.413.055.098

21.770.015.710

- Kinh phí công đoàn

551.710.908

386.577.766

- Bảo hiểm xã hội

(27.937.067)

28.675.993

- Bảo hiểm y tế

87.420.730

33.377.809

- Các khoản phải trả, phải nộp khác

19.801.860.527

21.321.384.141

9.8- Quỹ khen thưởng và phúc lợi

1.115.762.389

1.554.862.389

Cộng

244.126.659.802

210.955.154.565

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2011

10. NỢ DÀI HẠN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
10.1- Phải trả dài hạn nội bộ (tổng công ty Viwaseen)	130.503.493.941	135.920.102.680
Trong đó:		
- Phần bảo toàn vốn Nhà nước	3.641.887.493	3.641.887.493
- Tiền đền bù xây dựng trụ sở công ty Waseco	925.175.440	925.175.440
- Tiền thu về cổ phần hóa	7.957.581.276	13.813.772.760
- Lãi vay tính trên số tiền đã thu cổ phần hóa	4.834.139.175	4.394.556.429
- Giá trị quyền sử dụng đất số 10 Phố Quang	113.144.710.558	113.144.710.558
10.2- Phải trả dài hạn khác	127.042.840.301	127.042.840.300
- Công ty Đông Dương (Indochina Group) góp vốn XD chung cư	105.718.118.900	105.718.118.900
- Công ty TNHH Kiến Trúc Thiết Kế Arcurata (tiền đặt cọc thuê văn phòng)	6.500.000.000	6.500.000.000
- Cục thuế Đồng Nai (tiền thuê đất Công ty Ông Thép SPC)	2.939.062.500	2.939.062.500
- Công ty XK Lao Động TM & Du lịch	1.900.000.000	1.900.000.000
- Ông Phạm Đức Tấn	5.475.000.000	5.475.000.000
- Công ty CP Phát triển Nhà Địa Lợi	4.400.000.000	4.400.000.000
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	110.658.901	110.658.900
10.3- Vay và nợ dài hạn	103.169.053.072	104.572.084.812
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- SGD II	35.748.041.917	43.248.041.917
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải- CN Quận 9	67.421.011.155	61.324.042.895
10.4- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	294.929.964	323.474.964
Cộng	361.010.317.278	367.858.502.756

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2		3		4	5	6
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	9.639.328.147		1.052.865.000	736.270.000		25.170.440.717	156.598.903.864
Tăng vốn trong năm trước								
Lãi trong năm trước								
Tăng khác			351.978.953	1.432.884.766	1.097.903.094	301.882.888	22.361.367.541	22.361.367.541
Giảm vốn trong năm trước								
Lỗ trong năm trước								
Giảm khác				301.882.888			815.454.860	4.000.104.561
Số dư cuối năm trước								
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	9.639.328.147	351.978.953	2.183.866.878	1.834.173.094	301.882.888	26.369.201.236	160.680.431.196
Tăng vốn trong kỳ này								
Lãi trong kỳ								
Tăng khác			4.573.794	301.882.888			5.505.533.215	5.505.533.215
Giảm vốn trong kỳ								
Lỗ trong kỳ								
Giảm khác								
Số dư cuối kỳ	120.000.000.000	9.639.328.147	359.912.481 (3.359.734)	2.485.749.766	1.834.173.094	301.882.888	31.871.034.450 3.700.000	165.826.925.723 665.495.369



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2011

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của nhà nước	60%	72.000.000.000	72.000.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	40%	48.000.000.000	48.000.000.000
Cộng	100%	120.000.000.000	120.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ:
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

đ) Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
- + Cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu ưu đãi

- Số lượng cổ phiếu được mua lại
- + Cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu ưu đãi

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- + Cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu ưu đãi

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đ/ cp

e) Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ dự phòng tài chính

Cộng**12. NGUỒN KINH PHÍ**

- Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ
- Chi sự nghiệp
- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ

Cộng**13. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

- Doanh thu bán hàng
- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Doanh thu hợp đồng xây dựng

Cộng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
12.000.000	12.000.000
12.000.000	12.000.000
12.000.000	12.000.000
12.000.000	12.000.000
12.000.000	12.000.000
12.000.000	12.000.000

Số cuối kỳ	Số đầu năm
2.485.749.766	2.183.866.878
1.834.173.094	1.834.173.094
4.319.922.860	4.018.039.972

Số cuối kỳ	Số đầu năm
13.908.248	13.908.248
13.908.248	13.908.248

Kỳ này	Kỳ trước
23.733.871.178	38.648.358.245
23.906.889.865	27.881.606.862
94.820.401.107	81.867.562.625
142.461.162.150	148.397.527.732

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2011

14. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

- Chiết khấu thương mại
- Giảm giá hàng bán
- Hàng bán trả lại
- Thuế tiêu thụ đặc biệt
- Thuế xuất khẩu

Cộng

Kỳ này

Kỳ trước

15. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu bán hàng
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ
- Doanh thu hợp đồng xây dựng

Cộng

Kỳ này

Kỳ trước

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn của hàng hóa đã bán
- Giá vốn của XD
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp

Cộng

Kỳ này

Kỳ trước

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Doanh thu hoạt động tài chính khác

Cộng

Kỳ này

Kỳ trước

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Cộng

Kỳ này

Kỳ trước

19. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

Cộng

Kỳ này

Kỳ trước

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí chung
- Chi phí máy thi công
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Kỳ này

Kỳ trước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2011

21. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Cộng

Kỳ này

Kỳ trước

342.091.147

356.711.940

342.091.147

356.711.940

22. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Chỉ tiêu

Kỳ này

Kỳ trước

* Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

7.430.263.016

13.341.267.191

* Các khoản điều chỉnh

+ Các khoản điều chỉnh tăng

268.656.189

665.640.570

+ Các khoản điều chỉnh giảm

* Tổng thu nhập chịu thuế

7.698.919.205

14.006.907.761

* Thuế TNDN phải nộp

1.924.729.801

3.501.726.940

* Lợi nhuận sau thuế TNDN

5.505.533.215

9.839.540.251

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Lập, ngày 05 tháng 08 năm 2011

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Quốc Tuấn

Nguyễn Đức Bôn

Trần Văn Thành

